

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2020.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị M Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 03/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn*”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị T M**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp Đ B, xã H A, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp M Đ N, xã M T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Lê Thị T M trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M T, huyện Cao Lãnh vào ngày 08/11/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do chị và cha chồng có phát sinh những mâu thuẫn dẫn tới cự cãi, không thể tiếp tục chung sống ở nhà chồng được nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân (bản photo) và sổ hộ khẩu (bản sao);

- Trích lục kết hôn (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T M về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn*”. Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M T, huyện Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị M và anh H chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M T, huyện Cao Lãnh vào ngày 08/11/2016 nên hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do chị M và cha chồng có phát sinh những mâu thuẫn dẫn tới cự cãi, không thể tiếp tục chung sống ở nhà chồng được nên chị M đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Chị M và anh H đã ly thân khoảng 04 năm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn tới hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị M và anh H không ai có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc vợ chồng và

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0003715 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T M.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0003715 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã M T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Châu Văn Sang

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Vân Hồ Thị M Hương Trịnh Hữu Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh